TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT
Ngày: 08 – 02 – 2023
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Bà Võ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 216/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn C

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

2.2. Ông Trần Hoàng N

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Hoàng T

3.2. Bà Đinh Thị D

3.3. Bà Trần Thị Ngọc B

3.4. Bà Phạm Thị B1

3.5. Bà Nguyễn Trúc L

3.6. Bà Nguyễn Thị M

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

3.7. Bà Đỗ Thị C

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Trần Hoàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày như sau: Vào năm 1990, ông được hưởng 1.000m^2 đất ở và đất cây lâu năm của cha, mẹ để lại. Năm 1992, ông có cho gia đình ông Trần Văn H cất nhà tạm để ở trên phần đất này do hoàn cảnh ông H lúc đó khó khăn. Khi đó có thỏa thuận khi nào con ông H là ông Trần Hoàng N lớn thì ông H tháo dỡ nhà trả đất cho ông. Việc thỏa thuận này chỉ nói miệng, không có lập giấy tờ. Đến năm 1996, ông làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và tiếp tục quản lý sử dụng 1.000m^2 đất này. Đến năm 2013, ông xin cấp đổi GCNQSDĐ, ông yêu cầu ông H trả đất nhưng ông H và các con ông H không trả mà tự ý xây dựng hai căn nhà kiên cố và tiếp tục ở đây.

Vì vậy ông C đã khởi kiện, yêu cầu ông H, ông N trả lại cho ông giá trị phần đất diện tích 143,22m^2 với giá 2.000.000đồng/m^2 đồng thời tháo dỡ một phần nhà ông Trần Hoàng N chiều ngang 2m, dài hết nhà đang ở để mở lối đi cho gia đình ông C xuống kênh Cựa Gà.

Sau khi đo đạc, thẩm định, cơ quan chuyên môn xác định đất mà ông H, ông N đang ở là thuộc quyền sử dụng đất của ông. Tuy nhiên, do tình nghĩa anh em ruột trong gia đình, ông C đồng ý để gia đình ông H, ông N tiếp tục ở trên phần đất của ông, khi nào nhà nước thu hồi đất thì ông nhận tiền bồi thường đất, giá trị nhà cửa vật kiến trúc thì gia đình ông H, ông N nhận. Cụ thể, là ông rút lại yêu cầu đòi ông H, ông N trả giá trị phần đất theo đo đạc thực tế tổng diện tích

tranh chấp là 103,2m^2. Ông giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông N, ông H phải tháo dỡ phần hành lang nhà ông N đang ở, ngang 2m, dài một cạnh 9,5m, một cạnh 9,75m ra diện tích là 19,1m^2 (trong số 122,3m^2 đất tranh chấp) để ông làm lối đi xuống kênh Cựa Gà.

Quá trình tố tụng tại tòa án sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông là Trần Văn L (chết năm 1966), mẹ ông là Mai Thị L1 (chết năm 1974), cha mẹ chết không để lại di chúc và có để lại đất đai cho anh chị em trong nhà. Sau khi cha mẹ chết, ông và anh em trong nhà tự thỏa thuận phân chia đất và đã được cấp bằng khoán. Nhà ông đang ở thuộc thửa đất số 152, loại đất thổ cư, GCNQSDĐ số 000224 do UBND huyện C, tỉnh C (cũ) cấp cho ông vào ngày 31/5/1996. Giữa ông và ông C không có thỏa thuận về việc cho ông cất nhà tạm để ở như ông C trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H cho rằng phần đất cặp kênh Cựa Gà sau khi cha mẹ ông chết, các anh em của ông không có thỏa thuận chia, chỉ chia phần phía sau.

Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông không thừa nhận đất tranh chấp là của ông C, không đồng ý tháo dỡ 19,1m^2 như ông C yêu cầu.

Bị đơn ông Trần Hoàng N trình bày: Ông là con ông Trần Văn H. Cha ông có phần đất do ông bà để lại, được cấp bằng khoán năm 1996. Cha mẹ ông cất nhà ở từ trước đến nay. Hiện tại, trên đất có nhà của cha mẹ ông và nhà cha mẹ cất cho vợ chồng ông ở. Hiện tại ông không ở mà để em gái là Trần Thị Ngọc B ở. Ông không hiểu lý do gì mà ông Trần Văn C cho rằng cha con ông cất nhà trên đất ông C để từ đó đòi gia đình ông trả giá trị đất và mở lối đi.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông không đồng ý trả giá trị đất cũng không đồng ý mở lối đi vì hiện tại ai cũng có lối đi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B1 trình bày như sau: Bà là vợ ông Trần Văn H. Cha mẹ chồng của bà chết có để lại đất, ông H là anh lớn nên nuôi em út trong nhà, sau khi bà và ông H cưới nhau cất nhà ở trên phần đất tranh chấp. Các em của chồng bà lập gia đình cũng cất nhà ở đó. Sau khi con bà là Trần Hoàng N lớn, vợ chồng bà cất nhà cho N ở. Tuy nhiên, hiện nay N để cho em gái là Trần Thị Ngọc B ở. Trong vụ án này, bà không có ý kiến gì, để chồng bà là ông Trần Văn H toàn quyền quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng T trình bày: thống nhất ý kiến ông H, không đồng ý tháo dỡ phần 19,1m^2 theo yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị C trình bày: Bà là vợ ông Trần Hoàng N. Cha mẹ chồng bà có cho vợ chồng bà phần đất cặp bờ sông để cất nhà ở. Vợ chồng bà đi làm ăn mua bán nên để nhà cho em chồng là Trần

Thị Ngọc B ở. Việc cha mẹ chồng bà cho đất có làm giấy tay, ấp xác nhận. Trong vụ án này, bà không đồng ý trả giá trị đất cho ông C, không đồng ý mở lối đi cho ông C. Nếu Tòa án giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ông C thì bà yêu cầu ông C trả giá trị nhà cho vợ chồng bà theo giá trị định giá.

Mọi vấn đề liên quan vụ án bà đồng ý để chồng bà là Trần Hoàng N toàn quyền quyết định, ý kiến của ông N cũng là ý kiến của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị D trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn C. Phần đất tranh chấp giữa ông Trần Văn C và Trần Văn H có nguồn gốc là của cha mẹ chồng bà để lại. Cha mẹ chồng bà chết không để lại di chúc. Năm 1990, anh em trong nhà thỏa thuận chia đất, theo đó ông C được chia từ kênh Cựa Gà vào trong, rồi đến ông P, ông H, ông H1 mỗi người một khúc. Hiện nay phần đất của mỗi người đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi anh, em thỏa thuận chia đất thì ông H cũng ở tại đất cha mẹ để lại, sau đó ông H ra xã N ở, đến khoảng 1995 mới trở về cất nhà ở trên đất ông C được chia. Khi đó ông H nói đất cha mẹ nên cất, ông C có báo chính quyền địa phương ngăn cản. Trong vụ án này, bà thống nhất để ông C khởi kiện ông H, ông N yêu cầu tháo dỡ một phần căn nhà của ông Trần Hoàng N để làm lối đi xuống kênh Cựa Gà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trúc L trình bày: Bà là vợ của ông Trần Hoàng T, dâu của ông Trần Văn H, bà lấy chồng và theo chồng về sống tại nhà chồng từ năm 2008, khi đó nhà cây, sau đó mới xây nhà kiên cố. Nguồn gốc đất tranh chấp bà không biết rõ chỉ biết đó là nhà đất của cha, mẹ chồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà không đồng ý, bà thống nhất lời trình bày của ông Trần Văn H, bản thân bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là người giáp ranh đất với phía nhà ông Trần Văn H, khi ông H và ông N xây cất nhà có xây dựng sang đất của bà một phần để hành lang được rộng rãi, sau này Nhà nước có thu hồi đất thì phần của bà, bà nhận tiền bồi thường đất, tiền bồi thường nhà thì ông H, ông N nhận. Hiện tại bà và ông H, ông N, ông C không có tranh chấp gì với nhau. Bà sống ở đây đã hơn 30 năm, ông H ở đây từ trước khi bà có chồng về đây, khi đó là nhà lá, đến năm 2019 mới xây tường. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì vì khi đo đạc đất tranh chấp đã chừa đất của bà ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc B là người khuyết tật, câm điếc bẩm sinh, trong quá trình tố tụng mặc dù bà biết chữ nhưng không hợp tác, không cung cấp ý kiến.

Người làm chứng là bà Trần Thị C1, Trần Thị T1, Trần Thị K, Nguyễn Thị

T2 trình bày thống nhất như sau: Các bà C1, T1, K là chị em ruột của ông H và ông C, bà T2 là vợ của ông Trần Hoàng P, những người này cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ để lại. Sau khi cha mẹ chết, các anh em trai cùng thỏa thuận chia mỗi người một khúc. Phần đầu tiên tính từ kênh Cựa Gà vào là của ông Trần Văn C, đến phần ông Trần Hoàng P, đến phần của ông Trần Văn H, cuối cùng là phần của ông Trần Văn H1. Sau khi chia xong thì các anh, em trai đều được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị em gái theo chồng không được chia đất.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn H1, ông H1 là anh em của ông H và là anh của ông C, phần đất tranh chấp giữa ông C và ông H có nguồn gốc là của cha mẹ chồng bà chết (trước năm 1975) để lại. Sau khi cha mẹ chồng bà chết, anh em cùng chung sống trên đất cha để lại. Ông H là anh lớn, làm lo cho các em, sau đó anh em cất nhà trên đất này để ở. Nhà bà và ông H1, kế bên là nhà ông P. Trước đây vị trí nhà ông P là ông H ở, sau khi ông P cưới vợ, ông H để nhà cho ông P ở, ông H thì xuống kênh Cựa Gà cất nhà ở. Nhà ông C trước đây cũng cặp kênh Cựa Gà, sau ông C mua được đất nơi khác nên để nhà cho con ở. Việc ông C được cấp bằng khoán năm 2013 bà không biết, việc ông C khởi kiện ông H, ông N đòi đất là không đúng.

Tại Bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn C đối với bị đơn Trần Văn H, Trần Hoàng N.

Buộc ông Trần Văn H, Trần Hoàng N, Đỗ Thị C, Trần Thị Ngọc B, Phạm Thị B1 tháo dỡ một phần hành lang nhà có kích thước ngang 2m một đầu giáp lộ nông thôn, một đầu giáp kênh Cựa Gà, dài một cạnh 9,5m giáp đất bà Nguyễn Thị M, một cạnh 9,75m giáp đất ông Trần Văn C để trả lại cho ông Trần Văn C phần đất diện tích 19,1m^2 là phần tranh chấp số 1 trên Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Buộc ông Trần Văn C trả cho ông Trần Hoàng N, bà Đỗ Thị C một phần giá trị thiệt hại của phần nhà phải tháo dỡ với số tiền là 10.533.000đồng (Mười triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn C đối với Trần Văn H, Trần Hoàng N về yêu cầu trả giá trị phần đất tranh chấp có diện tích 103,2m là phần số 2 và số 3 trên trên Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 05/8/2022 bị đơn ông Trần Văn H và Trần Hoàng N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tháo dỡ một phần hành lang nhà trả lại cho nguyên đơn phần đất có diện tích đất 19,1m^2.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu dỡ nhà trả đất nên cần xác định là *"tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, tháo dỡ di dời công trình kiến trúc trên đất"*.

Đối với kháng cáo của bị đơn xét thấy không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ phần đất tranh chấp nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần hành lang bị thiệt hại, bà C yêu cầu trả giá trị là có cơ sở vì khi ông H và ông N cất nhà ông C biết nhưng không ngăn cản nên ông C phải bồi thường thiệt hại cho ông N, bà C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ, di dời nhà trên đất của nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ *"Tranh chấp quyền sử dụng đất*" là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ, di dời công trình kiến trúc trên đất"*.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều xác định là của cha mẹ ông H, ông C chết để lại, sau đó các anh em trong gia đình tự thỏa

thuận chia đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn 231/UBND ngày 25/02/2022 của UBND huyện Châu Thành A đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000223 ngày 31/5/1996 gồm các thửa 104, 895, tờ bản đồ số 04 cho ông Trần Văn C là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại thời điểm ngày 31/5/1996 cũng là thời điểm ông Trần Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000224 gồm các thửa 167, 152, 898, 897, tờ bản đồ số 04.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được phần đất tranh chấp có diện tích là 122,3m^2 thuộc thửa số 895, tờ bản đồ số 4A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00630 do UBND huyện Châu Thành A cấp cho ông Trần Văn C vào ngày 27/3/2013 trên cơ sở cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000223 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Trần Văn C ngày 31/5/1996 sau khi ông C tặng cho bà Trần Thị T một phần.

Mặt khác, theo lời khai của những người làm chứng bà Trần Thị Khéo, Trần Thị T, Trần Thị C1, bà Nguyễn Thị T1 là chị em của ông Trần Văn C và ông Trần Văn H khẳng định phần đất đầu tiên từ kênh Cựa Gà vào các anh em đã thỏa thuận chia cho ông Trần Văn C, kế tiếp là đến phần đất của ông Trần Hoàng P, đến phần đất của ông Trần Văn H và cuối cùng là phần đất của ông Trần Văn H1.

Như vậy, phần đất tranh chấp có diện tích 122,3m^2 thuộc thửa số 895 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000223 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Trần Văn C ngày 31/5/1996. Tại cấp sơ thẩm ông C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông H, ông N trả giá trị phần đất tranh chấp tại vị trí số 1 và số 2 có diện tích là 103,2m^2 và giữ nguyên yêu cầu buộc ông H, ông N tháo dỡ một phần nhà trả lại cho ông diện tích đất 19,1m^2 để mở lối đi cho gia đình ông C xuống kênh Cựa Gà tại vị trí số 3 theo Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 nên việc cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với diện tích 103,2m^2 và chấp nhận yêu cầu đối với diện tích 19,1m^2 là có căn căn cứ.

[3.2] Đối với công trình, vật kiến trúc nằm trên diện tích 19,1m^2 đất phải tháo dỡ là một phần hành lang nhà của Trần Hoàng N có giá trị là 21.067.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông C thừa nhận vào năm 1992 ông có cho ông H cất nhà tạm để ở trên phần đất tranh chấp này. Năm 2012 ông N xây nhà kiên cố, ông C biết nhưng không ngăn cản. Đến năm 2019 ông H xây nhà kiên cố, ông C cho rằng ông có báo chính quyền địa phương để ngăn cản nhưng ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông có ngăn cản ông H và ông N xây dựng nhà trên phần đất ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, lỗi thuộc về ông C nên ông C phải có

trách nhiệm bồi thường cho ông N và bà C giá trị phần hành lang bị thiệt hại khi tháo dỡ để trả lại diện tích đất 19,1m^2 cho ông C với số tiền 21.067.000đồng là hợp lý. Việc cấp sơ thẩm chỉ buộc ông C bồi thường ½ giá trị thiệt hại cho ông N và bà C là chưa bảo đảm quyền lợi của ông N và bà C.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C đối với bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N.

Buộc ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N, bà Đỗ Thị C, bà Trần Thị Ngọc B, bà Phạm Thị B1 tháo dỡ một phần hành lang nhà có kích thước ngang 2m một đầu giáp lộ nông thôn, một đầu giáp kênh Cựa Gà, dài một cạnh 9,5m giáp đất bà Nguyễn Thị M, một cạnh 9,75m giáp đất ông Trần Văn C để trả lại cho ông Trần Văn C phần đất diện tích 19,1m^2 là phần tranh chấp số 3 trên Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Buộc ông Trần Văn C bồi thường cho ông Trần Hoàng N, bà Đỗ Thị C giá trị thiệt hại của phần hành lang nhà phải tháo dỡ với số tiền là 21.067.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Trần Hoàng N, bà Đỗ Thị C có đơn yêu cầu thi hành án,

nếu ông Trần Văn C chậm trả số tiền trên thì hàng tháng ông Trần Văn C, còn phải trả cho ông Trần Hoàng N, bà Đỗ Thị C số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định của Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C đối với ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N về yêu cầu trả giá trị phần đất tranh chấp có diện tích 103,2m^2 là phần số 1 và số 2 trên trên Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 102-2021 ngày 01/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: 2.192.000đồng (Hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Văn C phải chịu là 1.849.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng), ông C đã nộp xong. Bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Hoàng N phải chịu 342.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Do nguyên đơn ông Trần Văn C đã nộp tạm ứng 2.192.000đồng (Hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) nên bị đơn có nghĩa vụ nộp 342.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) để trả lại cho nguyên đơn ông Trần Văn C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/02/2023.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Hoàng Lâm **Võ Thị Phượng** **Dương Quốc Tuấn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn